

Số: 924 /QĐ-TCQLTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giao dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2023 (lần 1)

### TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 15 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2019 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2000/QĐ-BCT ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phân cấp quản lý tài chính, tài sản công tại Tổng cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Quyết định số 2663/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 3003/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1331/QĐ-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1499/QĐ-BCT ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Tờ trình số 147/TTr- THKHTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Vụ Tổng hợp - Kế hoạch - Tài chính về việc đề nghị điều chỉnh giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2023 (lần 1);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp - Kế hoạch - Tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị thuộc Tổng cục Quản lý thị trường theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 được giao và Quyết định điều chỉnh, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Vụ trưởng Vụ Tổng hợp - Kế hoạch - Tài chính, Chánh văn phòng Tổng cục Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thứ trưởng Đặng Hoàng An;
- Thứ trưởng Phan Thị Thắng;
- Vụ Kế hoạch – Tài chính (MOIT);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Hệ thống TABMIS;
- Công thông tin điện tử Tổng cục;
- Lưu: VT, THKHTC.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Trần Hữu Linh

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG



Phụ lục  
**GIAO DƯ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số 924/QĐ-TCQLTT ngày 29 tháng 6 năm 2023  
của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường)

Đơn vị : **Cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An**

Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch: **Kho bạc nhà nước tỉnh Nghệ An**

Mã số kho bạc nhà nước: **1411**

Mã số đơn vị QHNS: **1068752**

Đơn vị: đồng

| TT        | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                        | Trong đó              |                            |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------|
|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tổng số               | Trong đó: TK 10% CC TLương |
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                                                                                                                                                                                                              |                       |                            |
| <b>1</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |                            |
|           | Học phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                 |                       |                            |
| <b>2</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại</b>                                                                                                                                                                                                                                 |                       |                            |
|           | Học phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                 |                       |                            |
| <b>3</b>  | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>                                                                                                                                                                                                                                                  |                       |                            |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước. Trong đó:</b>                                                                                                                                                                                                                                | <b>26.551.000.000</b> |                            |
| 1         | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                                                                                                                                                                                                       | 17.945.000.000        |                            |
| 2         | Kinh phí thực hiện không tự chủ                                                                                                                                                                                                                                                 | 8.606.000.000         |                            |
| 3         | Kinh phí nghiên cứu KHCN                                                                                                                                                                                                                                                        | 0                     |                            |
|           | <b>Chi tiết theo loại chi</b>                                                                                                                                                                                                                                                   |                       |                            |
|           | <b>Chi Quản lý nhà nước: Loại 340-341</b>                                                                                                                                                                                                                                       | <b>26.551.000.000</b> |                            |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>                                                                                                                                                                                                                                                | <b>17.945.000.000</b> |                            |
| <b>2</b>  | <b>Kinh phí thực hiện không tự chủ, trong đó:</b>                                                                                                                                                                                                                               | <b>8.606.000.000</b>  |                            |
|           | Mua sắm tài sản cố định                                                                                                                                                                                                                                                         | 1.185.000.000         |                            |
|           | Kinh phí Thuê trụ sở làm việc, kho hàng                                                                                                                                                                                                                                         | 1.314.000.000         |                            |
|           | Kinh phí bảo trì, sửa chữa cơ sở vật chất (Sửa chữa Trụ sở Đội Quản lý thị trường số 5 thuộc Cục QLTT tỉnh Nghệ An; Sửa chữa Trụ sở Đội Quản lý thị trường số 6 thuộc Cục QLTT tỉnh Nghệ An)                                                                                    | 2.781.000.000         |                            |
|           | Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính (bao gồm chi mua sắm, thuê trang thiết bị phục vụ cho công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính, thuê dịch vụ cho công việc hỗ trợ, phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả ) | 3.326.000.000         |                            |
|           | Kinh phí Hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả                                                                                                                                                                                                                   |                       |                            |
|           | Ban chỉ đạo 389 ngành                                                                                                                                                                                                                                                           |                       |                            |
|           | Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế                                                                                                                                                                                                                                | 0                     |                            |

**Ghi chú:**

Trong phạm vi dự toán được giao, đơn vị chủ động sắp xếp, bố trí đủ kinh phí để thực hiện mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng cho năm 2023.